

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày 04 tháng 6 năm 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Việt; bà Lương Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2025/TLST- DS ngày 16/12/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-DS ngày 18/5/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn N, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn T, sinh năm 1987 (Ủy quyền theo văn bản ủy quyền xác lập ngày 06/5/2026). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lục Xuân H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2025 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lý Văn T và chị Nguyễn Thị Q trình bày: Ngày 05/04/2022, vợ chồng anh chị có cho anh Lục Xuân H và chị Nguyễn Thị H1 vay số tiền gốc là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Khi cho vay tiền hai bên có lập Hợp đồng vay tài sản ngày 05/04/2022. Thời hạn vay là 02 năm 02 tháng, kể từ ngày 05/04/2022 đến ngày 30/06/2024 anh H, chị H1 phải trả hết tiền cho vợ chồng anh T, chị Q. Về lãi suất, hai bên

thỏa thuận lãi suất cho vay là theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định, tính từ ngày vay là ngày 05/04/2022; Lãi suất đối với khoản nợ gốc nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay trong hạn theo Ngân hàng Nhà nước quy định. Sau khi vay tiền, đến ngày 30/06/2024 anh H, chị H1 chưa trả được lần nào tiền gốc, sau đó anh H, chị H1 không tiếp tục trả tiền theo Hợp đồng vay cho vợ chồng anh T. Hiện anh H, chị H1 còn nợ gốc là 450.000.000 đồng. Về lãi suất, anh H, chị H1 chưa trả lãi theo hợp đồng viết tay.

Nay anh T, chị Q yêu cầu anh H, chị H1 trả toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền viết tay ngày 05/04/2022. Về lãi suất do anh H, chị H1 đang khó khăn nên anh T, chị Q không yêu cầu trả lãi.

Tại Bản tự khai ngày 01/4/2026 của anh Lục Xuân H, Bản tự khai ngày 01/4/2026 của chị Nguyễn Thị H1 và quá trình tố tụng bị đơn anh H và chị H1 trình bày: Anh H, chị H1 xác nhận ngày 05/04/2022 có vay anh Lý Văn T số tiền gốc là 450.000.000 đồng. Khi cho vay tiền hai bên có lập Giấy viết Hợp đồng vay tiền ngày 05/04/2022. Thời hạn vay là 02 năm, 02 tháng, kể từ ngày 05/04/2022 đến 30/06/2024. Về lãi suất, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là theo lãi suất ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định, tính từ ngày vay là ngày 05/04/2022; Lãi suất đối với khoản nợ gốc 450.000.000 đồng bằng lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước quy định. Sau khi vay tiền do khó khăn nên anh H, chị H1 chưa trả được tiền gốc là 450.000.000 đồng. Về lãi suất, do anh H, chị H1 đang khó khăn nên đề nghị không tính lãi suất. Anh H, chị H1 đề nghị được trả nợ cho vợ chồng anh T cụ thể: Ngày 31/12/2026 trả số tiền là: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); Số tiền còn lại xin được trả dần mỗi tháng trả số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 25 hàng tháng cho đến khi trả hết nợ cho vợ chồng anh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đề nghị buộc bị đơn *anh Lục Xuân H, chị Nguyễn Thị H1* phải có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ là **450.000.000** đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang: Về tuân thủ pháp luật tố tụng, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật quy định tại các Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật quy định tại các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 144, Điều 147, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 116, 117, 119, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự, điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lý Văn T và chị Nguyễn Thị Q buộc anh Lục Xuân H và chị Nguyễn Thị H1 phải trả cho anh Lý Văn T và chị Nguyễn Thị Q số tiền nợ gốc là 450.000.000đ (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Lục Xuân H và chị Nguyễn Thị H1 liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho anh Lý Văn T và chị Nguyễn Thị Q số tiền 11.200.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0001767 ngày 16/12/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh T, chị Q khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Lục Xuân H, chị Nguyễn Thị H1 (Địa chỉ: Thôn N, xã Y, tỉnh Tuyên Quang). Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn anh Lục Xuân H, chị Nguyễn Thị H1 (có đơn xin vắng mặt), Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị H1 theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 05/04/2022, vợ chồng anh Lý Văn T, chị Nguyễn Thị Q cho vợ chồng anh Lục Xuân H, chị Nguyễn Thị H1 vay số tiền gốc là 450.000.000 đồng, có Giấy vay tiền ngày 05/04/2022. Thời hạn vay là 02 năm 02 tháng, kể từ ngày 05/04/2022 đến 30/06/2024 anh H, chị H1 trả hết tiền cho vợ chồng anh T, chị Q. Sau khi vay tiền đến ngày 30/06/2024 anh H, chị H1 chưa trả

được lần nào tiền gốc cho anh T, chị Q. Nay anh T, chị Q yêu cầu anh H, chị H1 trả toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 450.000.000 đồng theo Giấy vay tiền viết tay ngày 05/04/2022. Về lãi suất do anh H, chị H1 đang khó khăn nên anh T, chị Q không yêu cầu trả lãi. Bị đơn anh H, chị H1 xác nhận ngày 05/04/2022 có vay vợ chồng anh T, chị Q số tiền gốc là 450.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 05/04/2022. Sau khi vay tiền do khó khăn nên anh chị chưa trả được tiền cho anh T, chị Q. Quan điểm bị đơn nhất trí trả số tiền gốc là 450.000.000 đồng. Về lãi suất, do anh H, chị H1 đang khó khăn nên đề nghị không tính lãi suất. Anh H, chị H1 đề nghị được trả nợ cho vợ chồng anh T cụ thể: Ngày 31/12/2026 trả số tiền là: 200.000.000 đồng; Số tiền còn lại xin được trả dần mỗi tháng trả số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 25 hàng tháng cho đến khi trả hết nợ cho vợ chồng anh T, chị Q.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, tại Giấy vay tiền ngày 05/04/2022 thể hiện nội dung “*Nay vợ chồng tôi có vay tiền của anh Lý Văn T và chị Nguyễn Thị Q cùng trú tại thôn N, xã Hữu Vinh, huyện Y, tỉnh Hà Giang với số tiền là 450.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 30/6/2024. Nếu vi phạm và không trả nợ đúng hạn sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật*”, thể hiện người vay tiền ký tên Nguyễn Thị H1, Lục Xuân H. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lục Xuân H, chị Nguyễn Thị H1 xác nhận có nợ anh T, chị Q số tiền 450.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 05/04/2022 và kể từ khi vay tiền đến nay chưa trả được tiền cho anh T, chị Q. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, buộc anh Lục Xuân H, chị Nguyễn Thị H1 liên đới có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 05/04/2022 cho anh T, chị Q.

[4] Về lãi suất: Tại Giấy vay tiền ngày 05/04/2022 không thể hiện việc hai bên thỏa thuận lãi suất và tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có ý kiến do bị đơn đang gặp khó khăn nên không yêu cầu tính lãi suất, vì vậy không xem xét về lãi suất.

[5] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh H, chị H1 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho anh Lý Văn T và chị Nguyễn Thị Q số tiền 11.200.000 đồng (*Mười một triệu, hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0001767 ngày 16/12/2025.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lý Văn T, chị Nguyễn Thị Q.

2. Xử: Buộc anh Lục Xuân H, chị Nguyễn Thị H1 liên đới có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 05/04/2022 cho anh T, chị Q.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Anh Lục Xuân H, chị Nguyễn Thị H1 liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Trả lại cho anh Lý Văn T và chị Nguyễn Thị Q số tiền 11.200.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0001767 ngày 16/12/2025.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Tòa Dân sự - TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 8 - TQ;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Việt

Lương Thị Nhiều

Hoàng Thị Vân